

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2012

(Đã kiểm toán)

I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	ĐVT	Số cuối năm 2012	Số cuối năm 2011
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	84.135.826.127	70.502.882.439
1	Tiền và các khoản thanh toán ngắn hạn	"	7.587.233.366	10.955.616.843
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	"		
3	Các khoản phải thu	"	33.550.639.866	22.633.610.208
4	Hàng tồn kho	"	42.742.723.737	36.656.061.371
5	Tài sản ngắn hạn khác	"	255.229.158	257.594.017
II	Tài sản dài hạn	"	28.119.976.790	26.774.724.312
1	Các khoản phải thu dài hạn	"		
2	Tài sản cố định	"		
	- TSCĐ hữu hình	"	26.715.373.072	26.107.356.078
	- TSCĐ vô hình	"	621.561.769	650.190.929
3	Bất động sản đầu tư	"		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	"		
5	Tài sản dài hạn khác	"	783.041.949	17.177.305
	TỔNG TÀI SẢN	"	112.255.802.917	97.277.606.751
I	Nợ phải trả	"	85.205.381.635	69.951.827.573
1	Nợ ngắn hạn	"	83.376.977.946	66.242.848.153
2	Nợ dài hạn	"	1.828.403.689	3.708.979.420
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	"	27.050.421.282	27.325.779.178
1	Vốn chủ sở hữu	"	27.050.421.282	27.325.779.178
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	"	15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu quỹ (*)	"		
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư	"		
	nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế	"		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	"		(248.235.682)
	- Quỹ đầu tư phát triển	"	7.833.263.774	6.320.713.376
	- Quỹ dự phòng tài chính	"	1.883.391.415	1.883.391.415
	- Lợi nhuận chưa phân phối	"	2.333.766.093	4.369.910.069
2	Nguồn kinh phí và các quỹ	"		
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	"		
	TỔNG NGUỒN VỐN	"	112.255.802.917	97.277.606.751

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	220.077.514.044	214.140.275.388
2	Các khoản giảm trừ	"	597.138.046	1.341.005.658
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	219.480.375.998	212.799.269.730
4	Giá trị hàng bán	"	186.596.827.234	182.841.513.002
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	32.883.548.764	29.957.756.728
6	Doanh thu hoạt động tài chính	"	20.549.531	94.867.216
7	Chi phí tài chính	"	5.157.275.610	4.782.375.337
8	Chi phí bán hàng	"	10.684.310.547	10.953.576.466
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	12.090.768.669	9.881.909.391
10	Lợi nhuận trước thuế kinh doanh	"	4.971.743.469	4.434.762.750
11	Thu nhập khác	"	567.933.059	916.712.954
12	Chi phí khác	"	117.090.648	177.014.976
13	Lợi nhuận khác	"	450.842.411	739.697.978
14	Thu nhập thuần khác	"	5.422.585.880	5.174.460.728
15	Thu nhập doanh nghiệp	"	437.041.758	450.579.730
16	Lợi nhuận sau thuế	"	4.985.544.122	4.723.880.998
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	"	3.324	3.227

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
1	Coefficient tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	74,95	72,48
	- Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	25,05	27,52
2	Coefficient nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	75,90	71,91
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	24,10	28,09
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	lần	0,50	0,51
	- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	lần	1,01	1,06
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	4,44	4,86
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	2,27	2,22
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	18,43	17,29

Số liệu đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam - CN Cần Thơ (nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán AFC - CN Cần Thơ) kiểm toán và báo cáo ngày 30/03/2013.

Ngày 08 tháng 4 năm 2013

Người lập biểu

Kiểm toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Đinh Phú Cường Mai

Lê Thị Mỹ Tiên

Phạm Quang Bình